

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2019/DS-ST

Ngày: 15/7/2019

“ V/v tranh chấp hợp đồng thẻ
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Đoàn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N- chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: 130A-130-132 B, phường H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 492/2018/UQ-TTT ngày 29 tháng 12 năm 2018), (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Mai Ngọc N, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 26 Ph, phường Kh, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Ngân hàng TMCP S và quá trình giải quyết vụ án Ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24 tháng 9 năm 2015 Ngân hàng TMCP S và ông Mai Ngọc N đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng

và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Mai Ngọc N Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Mai Ngọc N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.450.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông Mai Ngọc N đã thanh toán cho Ngân Hàng số tiền là 2.400.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Mai Ngọc N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Mai Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/4/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 15 tháng 7 năm 2019 ông Mai Ngọc N còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền: 269.168.687 đồng. Trong đó nợ gốc 107.613.770 đồng và lãi 161.554.917 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Mai Ngọc N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Mai Ngọc N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng. Vì vậy ông Mai Ngọc N đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng TMCP Syêu cầu ông Mai Ngọc N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 15/7/2019 là: 269.168.687đ. (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc 107.613.770đ và lãi 161.554.917đ và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/7/2019 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/9/2015 cho đến khi ông Mai Ngọc N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Mai Ngọc N nhưng ông Mai Ngọc N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S nên không có bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Mai Ngọc N đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông Mai Ngọc N vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Mai Ngọc N

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Syêu cầu ông Mai Ngọc N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 15/7/2019 là: 269.168.687đ. (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc 107.613.770đ và lãi 161.554.917đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Svà ông Mai Ngọc N có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 401,402,405 của bộ luật dân sự năm 2015. Đây là hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ có hạn mức tối đa giao dịch là 100.000.000 đồng nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông Mai Ngọc N đã thanh toán cho Ngân Hàng số tiền là 2.400.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Mai Ngọc N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Mai Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 01/4/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Mai Ngọc N trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Mai Ngọc N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Stính đến ngày 15/7/2019 với tổng cộng số tiền là: 269.168.687đ. (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc 107.613.770đ và lãi 161.554.917đ và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 16/7/2019 theo mức lãi suất hai bên

đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/9/2015 cho đến khi ông Mai Ngọc N thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí DSST: Án phí dân sự sơ thẩm ông Mai Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật là 13.458.434 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Mai Ngọc N về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Xử:

1. Buộc ông Mai Ngọc N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền là: 269.168.687đ. (Hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc 107.613.770đ (Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm mười ba ngàn bảy trăm bảy mươi đồng) và lãi 161.554.917đ (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm mười bảy đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2019) ông Mai Ngọc N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Ngọc N có nghĩa vụ nộp là 13.458.434 đồng (Mười ba triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi bốn đồng). Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S số tiền 5.572.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 5525 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKS ND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

